

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 79/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020

sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

1. Sửa đổi cụm từ “giai đoạn 2021 - 2025” thành “giai đoạn 2021 - 2030” tại tên gọi và Điều 1 của Nghị quyết; tại tên gọi và điểm a, khoản 1, Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, đ, e và h khoản 5, Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND như sau:

“b) Đối với ngành hàng, sản phẩm chăn nuôi.

Lợn: Quy mô tối thiểu 1.000 con/chu kỳ/chuỗi.

Gia cầm thịt: Quy mô tối thiểu 20.000 con/chu kỳ/chuỗi.

Gia cầm sinh sản: Quy mô tối thiểu 10.000 con/chu kỳ/chuỗi.

Ong mật: Quy mô tối thiểu 500 thùng/chuỗi.

Dê: Quy mô tối thiểu 300 con/chu kỳ/chuỗi.

c) Đối với ngành hàng, sản phẩm rau chế biến, rau an toàn và nấm.

Rau chế biến: Quy mô tối thiểu 10ha/vụ/chuỗi; riêng đối với khoai tây là 20ha/vụ/chuỗi.

Rau an toàn: Quy mô tối thiểu 10ha/vụ/chuỗi.

Nấm: Quy mô tối thiểu nhà xưởng, nhà nuôi trồng 3.000 m²; nguyên liệu tối thiểu 300 tấn/năm/chuỗi.

đ) Đối với ngành hàng, sản phẩm thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản (cá thịt): Quy mô tối thiểu 5 ha/chu kỳ/chuỗi.

e) Đối với ngành hàng, sản phẩm cây công nghiệp.

Cây lạc: Quy mô tối thiểu 10ha/vụ/chuỗi.

Cây chè: Quy mô tối thiểu 10ha/chuỗi.

h) Đối với ngành hàng, sản phẩm cây dược liệu (Ba kích, cúc hoa vàng, địa liền, diệp hạ châu, đinh lăng, hoài sơn, kim tiền thảo, sâm, nghệ): Quy mô tối thiểu 2 ha/loại dược liệu/chuỗi.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND như sau:

“7. Phương thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ giống, vật tư (Điều 4) theo từng vụ/chu kỳ sản xuất, nuôi trồng sau khi có văn bản nghiệm thu kết quả thực hiện của cơ quan thanh toán vốn; các nội dung hỗ trợ còn lại (tại các Điều 2, 3, 5 và 6) hỗ trợ 01 (một) lần sau khi có văn bản nghiệm thu hoàn thành của cơ quan thanh toán vốn.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND như sau:

“Điều 4. Hỗ trợ giống, vật tư tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã hoặc chủ trì liên kết.

Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, chế phẩm sinh học) nhưng không quá 1.500 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết.”

5. Bãi bỏ điểm g, khoản 5, Điều 1 của Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: TC, KHĐT, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

